TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/ST-HNGĐ

Ngày 14/01/2021

V/v: *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"*

NHÂNDANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH PHÚ THỌ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩmgồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ÔngNguyễn Đăng Trình;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Thảo; Ông Nguyễn Đức Khởi.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khanh - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa*:* Ông Vũ Anh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 14/01/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Thông báo mở lại phiên tòa số: 125/2020/TBMLPT - HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Khu 16, xã B, huyện T, tỉnh P;

Nơi ở hiện nay: Xóm 2, D, xã Đ, huyện Q, thành phố H. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh **Lương Gia V**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Khu 16, xã B, huyện T, tỉnh P. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày: Tôi và Lương Gia V kết hôn ngày 29/3/2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là xã B), huyện T, tỉnh P, hai bên tự nguyện kết hôn. Khi kết hôn và hiện nay chúng tôi đều lao động tự do.

Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận được 14 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, anh V hay đánh chửi tôi lý do tôi không chấp nhận việc vay tiền không chính đáng và dẫn đến việc mâu thuẫn với cả bố, mẹ chồng và còn bênh anh V. Vì vậy, chúng tôi đã ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị được ly hôn anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là: Lương Mai H, sinh ngày 09/7/2018. Khi ly hôn tôi đề nghị được nuôi con chung và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp cho bên chồng hoặc vợ: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lương Gia V đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành lấy lời khai anh V được và không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa chị V và anh V được nhưng Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Lương Gia N là bố đẻ anh V.

Ông N trình bày: Tôi là bố đẻ anh Lương Gia V và là bố chồng chị Nguyễn Thị V. Anh V và chị V kết hôn ngày 29/3/2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là xã B), huyện T, tỉnh P. Sau cưới anh V và chị V về chung sống cùng gia đình tôi. Quá trình chung sống hai cháu có trục trặc mâu thuẫn với nhau nên đầu năm 2019 thì chị V không ở với gia đình tôi nữa và từ đó chị V không quay lại gia đình tôi, mà sống tại huyện Q, thành phố H, còn anh V vẫn ở cùng với gia đình tôi nhưng anh V đi làm ăn tại Hà Giang. Nơi anh V làm thì tôi không biết địa chỉ cụ thể nhưng anh V vẫn thường xuyên điện thoại về nhà. Quan điểm của gia đình mong muốn các cháu đoàn tụ nhưng thực tế hai cháu không ở cùng với nhau nữa nên khả năng đoàn tụ là khó khăn. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị V. Con chung: Vợ chồng anh V và chị V có một con chung là Lương Mai H, sinh ngày 09/7/2018. Hiện nay cháu H đang ở với chị V. Quan điểm của gia đình: Cháu H còn nhỏ nên để chị V nuôi, nếu chị V không nuôi thì gia đình tôi nuôi.

Về tài sản chung, công nợ; Quá trình sống tại gia đình tôi không có.

Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác cho anh V qua gia đình tôi, gia đình đã nhận được và thông báo cho anh V nhưng anh V có ý kiến không về vì đi làm ăn ở xa và giải quyết theo quy định của pháp luật và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Xác minh tại địa phương xác định: Chị Nguyễn Thị V và anh Lương Gia V kết hôn ngày 29/3/2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là xã B), huyện T, tỉnh P. Hiện đang đăng ký hộ khẩu tại khu 16, xã B, huyện T, tỉnh P. Sau cưới vợ chồng về chung sống cùng gia đình ông Lương Gia N một thời gian thì chị V về xã Q ở không thấy quay lại gia đình ông N. Quá trình chung sống có nghe gia đình nói vợ chồng có mâu thuẫn còn nguyên nhân địa phương không rõ. Nay chị V xin ly hôn anh V đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Con chung của vợ chồng có một con chung là Lương Gia H, hiện đang ở với chị V. Tài sản chung, công nợ: Địa phương không biết. Hiện nay anh V không có mặt tại địa phương nhưng được gia đình cho biết anh V đang làm ăn ở Hà Giang. UBND xã B đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án để gửi cho anh V nhưng anh V không có mặt tại địa phương nên UBND xã B đã gửi cho ông N (bố đẻ anh V) còn việc lý do anh V không đến Tòa án địa phương không biết.

Do anh V vắng mặt nên Tòa không tiến hành mở phiên họp về việc kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông phát biểu:

I.Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên toà;

2.Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 238, Khoản 4 - Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 - Điều 51, Khoản 1- Điều 56, Điều 81,82,83, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a - Khoản 5 - Điều 27, Điểm a - Khoản 6 - Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị V.

Xử: Cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Lương Gia V.

Về con: Giao con chung là Lương Mai H, sinh ngày 09/7/2018 cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. AnhV có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V là 745.000đ/tháng, kể từ tháng 02/2021cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Phương thức cấp dưỡng theo từng tháng. Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung của anh V.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Lương Gia V phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét công bố tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn là anh Lương Gia V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật nội dung: Đây là quan hệ "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa chị Nguyễn Thị V với anh Lương Gia V. Chị V và anh V kết hôn ngày 29/3/2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là xã B), huyện T, tỉnh P, hai bên tự nguyện kết hôn. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Xét về cuộc sống chung của vợ chồng anh V và chị V hòa thuận được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tôn trọng nhau, mỗi bên sống theo ý thích riêng của mình, không có tiếng nói chung. Điều này được xác định từ thực tế đời sống của anh V, chị V là sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng gia đình ông N (bố

đẻ anh V) một thời gian ngắn thì đã mâu thuẫn. Chị V khai và ông N (bố đẻ anh V) cũng thừa nhận là đúng. Sau đó chị V về bên ngoại để ở nhưng từ đó không thấy quay lại gia đình sống, trong khi đó anh V làm ăn xa cũng không quan tâm tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Rõ ràng thực tế vợ chồng đã sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ và không ai còn ý thức xây dựng hạnh phúc nữa. Do vậy, phải xác định đời sống vợ chồng anh V và chị V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị V đối với anh V là có căn cứ. Do đó, cần xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Lương Gia V là phù hợp với pháp luật.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lương Mai H, sinh ngày 09/7/2018. Hiện nay con chung chưa đến 3 tuổi và đang do chị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bản thân chị V có thu nhập ổn định, trong khi anh V đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương không có nơi ở ổn định. Vì vậy, yêu cầu nuôi con chung của chị V là có cơ sở nên cần giao cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp với pháp luật và thực tế.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị V yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật là chính đáng nên cần buộc anh V cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V với mức 745.000đ/tháng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp. Phương thức cấp dưỡng theo từng tháng.

Về tài sản chung; công nợ; công sức đóng góp cho bên chồng hoặc vợ: Chị V xác định không có và không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết là phù hợp.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 238, Khoản 4 - Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 - Điều 51, Khoản 1- Điều 56, Điều 81,82,83, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a - Khoản 5 - Điều 27, Điểm a - Khoản 6 - Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị V.

Xử: Cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Lương Gia V.

Về con: Giao con chung là Lương Mai H, sinh ngày 09/7/2018 cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. AnhV có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V là 745.000đ/tháng, kể từ tháng 02/2021cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Phương thức cấp dưỡng theo từng tháng.

Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung của anh V.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) . Xác nhận chị V đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002687 ngày 12/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Vè án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Lương Gia V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản sao bản án giao cho họ hoặc niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

***Nơi nhận**:*
- VKSND tỉnh, huyện;
- THA dân sự huyện;
-UBND xã B;
- Các đ- ơng sự;
- L- u HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đăng Trình